

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Hữu Lũng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Hữu Lũng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 180/TTr-SXD ngày 08/12/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Hữu Lũng như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công

1.1. Trạm y tế xã Đông Tiến:

a) Các nội dung điều chỉnh

- Phần móng nhà trạm: giữ nguyên cao độ đáy móng; điều chỉnh cao độ nền nhà (cốt -0.00) cao thêm 0,12m; đồng thời nâng chiều cao cổ móng đơn, tường móng lên thêm 0,12m; bổ sung khối lượng đắp đất tôn nền.

- Điều chỉnh vị trí nhà trạm y tế: tại phía Nam của khu đất (vị trí mới cách vị trí cũ 1m).

- Điều chỉnh vị trí nhà bếp, nhà chứa rác, bể tự ngầm: tại phía Tây Bắc của khu đất.

- Điều chỉnh vị trí nhà chứa rác: tại phía Tây Bắc của khu đất.

- Điều chỉnh vị trí bể tự ngầm: tại phía Tây Bắc của khu đất.

- Điều chỉnh vị trí xây dựng công: tại vị trí phía Đông Nam của khu đất (vị trí mới cách vị trí cũ là 11,1m).

- Điều chỉnh vật liệu tôn nền sân: tôn nền bằng đất.

- Điều chỉnh ống cấp nước từ téc chứa nước trên mái xuống các thiết bị vệ sinh: sử dụng ống PP-R D50.

- Điều chỉnh chiều cao gạch ốp tường phòng tắm, phòng tiết trùng, phòng đỡ đờ: ốp gạch cao 3,5m.

- Điều chỉnh giảm chiều dài tường rào: chiều dài tường rào đặc L= 97m; tổng chiều dài hoa sắt dài L=40,4m.

- Điều chỉnh chiều sâu móng tường rào đặc (đoạn A-B): móng đặt sâu 1,12m.

- Điều chỉnh gạch lát sân: gạch tezazo kích thước (400x400)mm.

b) Các nội dung bổ sung

- Bổ sung cống: tại vị trí cống; chiều dài 12,1m; thành cống xây bằng gạch không nung dày 220mm, kích thước trong lòng cống (0,38x0,4)m, tấm đan đáy cống bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 200mm, kích thước (0.5x0,82)m.

- Bổ sung ống gen đi ngầm tường, tổng chiều dài 437m.

- Bổ sung khối lượng dây nguồn cấp điện cho nhà trạm, tiết diện  $(2 \times 25 \text{mm})^2$ , chiều dài 20m.

- Bổ sung khối lượng dây nguồn tiết diện  $(2 \times 4) \text{mm}^2$  cấp điện cho nhà bếp, chiều dài 20m.

1.2. Trạm y tế xã Minh Hòa:

a) Các nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh vị trí nhà trạm: tịnh tiến về phía Đông Bắc của khu đất 1,0m.

- Điều chỉnh nhà bếp, nhà chứa rác và bể tự ngầm: tịnh tiến về phía Tây Bắc khu đất 0,7m.

b) Các nội dung bổ sung

- Nhà trạm 2 tầng:

+ Bổ sung ống gen đi ngầm tường, tổng chiều dài 517m.

+ Bổ sung dây điện nguồn bằng cáp đồng CU/XLPE/PVC (2x25)mm từ cột điện vào tủ điện tổng nhà trạm 2 tầng chiều dài 33m.

+ Bổ sung dây điện cấp từ tủ tổng các tầng vào tủ điện tổng các phòng bằng dây dẫn 2 ruột CU/PVC/PVC chiều dài 32m.

+ Bổ sung đổ bê tông sân và đường lên trạm, diện tích 223,7m<sup>2</sup>. Kết cấu từ trên xuống: lớp bê tông xi măng mác 200 dày 10cm, ni lông chống thấm, nền đất tự nhiên.

+ Bổ sung lát sân bằng gạch terrazo, diện tích 406,7m<sup>2</sup>. Kết cấu từ trên xuống gồm: gạch terrazo, bê tông mác 150 dày 10cm, lớp cát tạo phẳng dày 3cm, nền đất tự nhiên.

- Bổ sung tường rào: phía sau nhà trạm 2 tầng, chiều dài 21,47m. Móng, tường xây gạch bằng không nung, vữa xi măng cát mác 50; tường dày 110mm cao 1,8m; trụ tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50; trụ kích thước (220x220)mm cao 1,8m; khoảng cách giữa các trụ tường rào là 3m.

- Bổ sung xây mới cổng vào trạm: được bố trí trên tuyến ranh giới phía Đông Nam khu đất, cổng rộng 4,6m. Trụ cổng kích thước (0,6x0,6x2,65)m. Trụ cổng bằng bê tông cốt thép kết hợp xây bằng gạch (*trong đó: phần lõi trụ cổng bằng bê tông cốt thép tiết diện (220x220)mm, bê tông mác 200, phần ngoài xây bằng gạch không nung mác 75, vữa xi măng cát mác 50*). Móng trụ cổng bằng bê tông cốt thép mác 200. Trát trụ cổng bằng vữa xi măng cát mác 75 dày 1,5cm. Sơn hoàn thiện bằng sơn 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Bổ sung mái tôn phía trước nhà bếp và nhà chứa rác:

+ Mặt bằng nhà hình chữ nhật, kích thước (8,5x10,6)m; chiều cao mái 3,4m. Mái dốc, lợp tôn dày 0,4mm.

+ Móng đơn bằng bê tông mác 200, kích thước (0,7x0,7)m sâu 0,7m so với mặt sân; cột đỡ mái bằng thép d=113mm, dày 2,0mm được chôn sâu xuống đáy móng. Kết cấu đỡ mái bằng vì kèo, xà gồ thép hộp tiết diện (40x80)mm, dày 1,4mm.

+ Nước mưa từ trên mái thoát ra sân theo độ dốc mái.

- Bổ sung máng tôn thoát nước mái nhà rác.

- Điều chỉnh ống cấp nước từ téc chứa nước trên mái xuống các thiết bị vệ sinh: sử dụng ống PP-R D50.

### 1.3. Trạm y tế xã Hòa Bình:

1.3.1. Điều chỉnh diện tích khu đất xây dựng công trình và các hạng mục phụ trợ: diện tích khu đất 2.198,42m<sup>2</sup>. Vị trí kê bê tông + tường rào được điều chỉnh theo phạm vi ranh giới khu đất sau khi điều chỉnh.

- Điều chỉnh giảm số lượng bồn cây từ 7 bồn xuống 4 bồn (kích thước, giải pháp thiết kế bồn cây giữ nguyên theo thiết kế được phê duyệt).

- Điều chỉnh diện tích san nền  $2166,72m^2$  thành  $1789,34m^2$ ; điều chỉnh diện tích sân bê tông và lát gạch từ  $679,78m^2$  thành  $510,93m^2$ .

- Bổ sung công bản đặt ngang đường dẫn vào trạm; vị trí cách đường rẽ vào trạm 35,45m; công dài 6m bằng bê tông cốt thép; mặt cắt ngang công kính thước trong lòng (0,75x0,6)m; thành bằng bê tông cốt thép mác 200 dày 0,35m, đáy bằng bê tông mác 200 dày 0,4m; nắp công bản bằng bê tông cốt thép, kích thước (1,15x6)m dày 0,2m.

- Bổ sung biển báo chỉ dẫn vào Trạm y tế bằng tôn, kích thước (1,2x0,8)m, cột bằng inox  $d=60mm$  dày 1,4mm, móng cột bằng bê tông xi măng mác 200 có kích thước (0,4x0,4)m cao 0,4m.

- Bổ sung lề bê tông đường dẫn, chiều dài 17,6m tại vị trí phía Nam của khu đất.

- Điều chỉnh không thi công công phụ. Bổ sung xây tường tại vị trí không thi công công; giải pháp thiết kế tường rào: thân, móng tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, tường xây cao 1,8m; trát tường bằng vữa xi măng cát mác 50; sơn hoàn thiện 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Bổ sung 01 téc nước inox dung tích  $1,5m^3$ ; trụ đỡ téc nước và hệ thống cấp nước cho téc.

1.3.2. Điều chỉnh vị trí cổng: bố trí phía Nam khu đất.

1.3.3. Nhà trạm:

a) Các nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh tường thu hồi 2 nhà trạm: chiều dài 4,03; cao 2,1m.

- Điều chỉnh ống cấp nước từ téc chứa nước trên mái xuống các thiết bị vệ sinh (nhà trạm): sử dụng ống PP-R D50.

- Điều chỉnh kích thước cửa Đ1 và cửa S2 (nhà trạm): cửa Đ1 kích thước (1,2x2,2)m, cửa S2 (1,2x1,4)m.

b) Các nội dung bổ sung

Bổ sung ống gen đi ngầm tường, tổng chiều dài 437m.

1.3.4. Nhà bếp và nhà vệ sinh

- Điều chỉnh kích thước gạch ốp nhà vệ sinh: gạch ceramic kích thước (300x600)mm.

- Điều chỉnh chi tiết bán kè đỡ mái phía ngoài trục A (nhà vệ sinh): bán kè rộng 600mm.

- Điều chỉnh số lượng thiết bị vệ sinh: gồm 02 xí bệt, 02 lavabo + chân, 02 vòi tắm hương sen, vòi chậu rửa.

## b) Các nội dung bổ sung

- Bổ sung 05 đèn led ốp trần 1x18w.
- Bổ sung khối lượng móng cột bê tông cốt thép.
- Bổ sung khối lượng trần nhựa nhà vệ sinh diện tích 10,3m<sup>2</sup>.
- Bổ sung ống thoát nước mái PVC d=110, chiều dài 6m.
- Bổ sung 06 đèn led panel ốp trần chống bụi 30x30cm loại 220V -18W;
- bổ sung 01 quạt hút mùi, bổ sung 01 toa khói.
- Bổ sung 01 chậu rửa bát inox và hệ thống cấp thoát nước cho chậu rửa.

## 1.3.5. Nhà để xe

- Điều chỉnh đường kính cột thép đỡ mái nhà để xe: cột thép đỡ mái đường kính 113mm, dày 3,2mm; xà gồ thép tròn đỡ mái đường kính 88,3mm, dày 1,5mm; thanh chéo đỡ mái thép tròn đường kính 75,6mm, dày 1,5mm;

*1.4. Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Cai Kinh:*

## a) Các nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh gạch lát sân: lát sân bằng gạch đất sét nung kích thước (400x400)mm.
- Điều chỉnh giảm không thi công bể tự ngầm, đấu nối đường thoát nước từ bể tự hoại vào hệ thống rãnh thoát nước hiện có của trạm.

## b) Các nội dung bổ sung

Bổ sung sân bê tông xi măng cho phần đường đi ra khu vệ sinh cũ (diện tích 8,77m<sup>2</sup>, kết cấu từ trên xuống: bê tông xi măng dày 10cm, ni lông chống thấm, nền đất tự nhiên.

*1.5. Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Hữu Liên:*

## a) Nội dung điều chỉnh

- Nhà 3 phòng điều trị xây mới.
- + Điều chỉnh chiều sâu chôn móng xây bằng gạch đoạn móng trục A:(3-4), B:(3-4), C(3-4); trục 3(B-C), trục 4(A-C): chiều sâu móng là 1,6m.
- + Điều chỉnh vị trí tủ đựng bình phòng cháy chữa cháy: đặt chìm tường tại vị trí trục B-2.

- Cổng: điều chỉnh giảm không thi công phụ. Bổ sung xây tường tại vị trí không thi công cổng; Thân, móng tường rào xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, tường xây cao 1,8m; trát tường bằng vữa xi măng cát mác 50; sơn hoàn thiện 01 nước lót, 02 nước phủ.

- Điều chỉnh kích thước cổng chính: kích thước rộng 4,5m; cánh cổng mở đẩy có đường ray và bánh xe.

- Điều chỉnh kích thước biển tên trạm y tế: kích thước rộng 6,55m.
- Điều chỉnh giảm không thi công đoạn tường rào dài 7,08m phía đầu hồi nhà hành chính hiện trạng.
- Điều chỉnh chiều dài tường rào: tường rào 1: L=22,8m; tường rào 2: L=13,44m.

b) Nội dung bổ sung

Bổ sung sân bê tông (tổng diện tích 114,25m<sup>2</sup>), bê tông mác 150 dày 10cm.

2. Điều chỉnh dự toán xây dựng:

2.1. Giá trị dự toán xây dựng điều chỉnh: 195.254.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 154.386.000 đồng;
- Chi phí Quản lý dự án: 4.926.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 34.503.000 đồng;
- Chi phí khác: 1.439.000 đồng.

2.2. Giá trị dự toán xây dựng công trình sau điều chỉnh 12.200.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.456.591.118 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 334.467.428 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.146.644.817 đồng;
- Chi phí khác: 134.653.586 đồng;
- Chi phí dự phòng: 127.643.051 đồng.

**Điều 2.** Các nội dung không đề cập tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND huyện Hữu Lũng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PVP UBND tỉnh, các Phòng: TH, KGVX, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT<sub>(CVĐ)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Xuân Huyền**